

Bản án số: **101** /2022/HNGĐ-ST.

Ngày 10 / 6 /2022

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thúy Hà**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thanh N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 11, xã Đ, huyện Y, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại dân phố 16, phường H, thành phố T. Theo chị N thì vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn lớn do cách sống hai bên không hòa hợp, luôn xảy ra xung khắc nhất là về làm ăn kinh tế, anh S thường xuyên rượu chè và không tôn trọng gia đình chị. Đỉnh điểm là năm 2018, anh S lao vào cò bạc không dứt ra được mặc dù hai bên gia đình khuyên can, hậu quả là vợ chồng phải bán nhà đất để trả nợ. Do cuộc sống như vậy nên chị đã phải đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên quan gì đến

nhau. Nay chị Trần Thanh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có tương lai, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn S.

Về con chung: Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thanh N xác định chị và anh Hoàng Văn S hiện không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do.

** Kết quả xác minh với gia đình của anh Hoàng Văn S thể hiện:* Anh Hoàng Văn S và chị Trần Thanh N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Anh chị chung sống tại tổ 16, phường H, thành phố T thời gian đầu hạnh phúc, sau khoảng 4-5 năm thì mâu thuẫn, trục trặc do bất đồng trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh S là lao động tự do công việc không ổn định. Sau đó chị N đi làm công nhân ở Thái Nguyên, vợ chồng xa cách nên tình cảm không còn. Khoảng năm 2015 chị N chuyển về ở nhà ngoại và đến năm 2020 thì chị chuyển khẩu về xã Đ, huyện Y, tỉnh T. Anh chị S – N có 01 con chung hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung gì có giá trị và không thấy có hiện tượng vay nợ của ai. Hiện anh S đang đi làm xa không biết địa chỉ chính xác, gia đình có thông báo qua điện thoại cho anh S biết đề về giải quyết việc ly hôn theo các văn bản thông báo của Tòa án gửi nhưng vì công việc anh không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với gia đình của chị Trần Thanh N thể hiện:* Năm 2009, chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S tự nguyện kết hôn, sau đó sinh sống tại tổ 16 (tổ 19 cũ), phường H, thành phố T. Đến năm 2015, anh chị mâu thuẫn do anh S có hiện tượng nợ nần do cờ bạc, ngoài ra còn hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát cãi vã. Đầu năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị N đã đưa con nhỏ Hoàng Ngọc T về sống với nhà bố mẹ đẻ tại thôn 11, xã Đ, huyện Y, tỉnh T. Từ đó cũng không thấy anh S qua lại thăm nom vợ con, nghe nói đi làm ăn xa nhưng không rõ đi đâu, làm gì. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Anh Hoàng Văn S và chị Trần Thanh N sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới thì về sinh sống tại tổ dân phố 16, phường H, thành phố T, tỉnh T. Cách nay 6 -7 năm thì chị N không còn ở tổ 16, phường H nữa còn anh S đi làm xa, nhà anh chị thường xuyên khóa cửa. Anh chị S – N hiện sống ly thân, chị N đã đưa con nhỏ của anh chị về ở tại nhà ngoại. Chính quyền tổ 16 có lần có nhận được bưu phát của Tòa án gửi cho anh S nhưng cũng không gặp và chuyển được cho anh S. Hiện anh chị S – N không vay nợ của các tổ chức của tổ dân phố, về vay nợ khác thì địa phương không nắm được.

Do anh Hoàng Văn S không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Tòa án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S.

Tại phiên toà, chị Trần Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Văn S và xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị Nga không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Anh Hoàng Văn S vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2009 tại UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh S không có mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tiến hành. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thanh N; giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009; chị N xác định không có tài sản chung và vay nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Chị Trần Thanh N phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết theo quy định pháp luật) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Trần Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn S vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật ngày 03/5/2009 tại UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhưng không hoà giải được nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến nhau hoặc liên lạc gì. Chị Trần Thanh N có đơn yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn S. Quá trình Tòa án giải

quyết, anh S không có văn bản ý kiến hoặc bản tự khai và không có mặt tại các phiên họp và phiên hoà giải do Toà án tiến hành.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị N và anh S đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Trần Thanh N được ly hôn với anh Hoàng Văn S.

[3] Về con chung: Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S có 01 con chung là Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009 hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét nguyện vọng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy giao con Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009 cho chị Trần Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị N không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Hoàng Văn S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Trần Thanh N xác định hiện chị và anh S không có tài sản và không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Hoàng Văn S không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Trần Thanh N được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Hoàng Ngọc T, sinh ngày 30/11/2009 cho chị Trần Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Hoàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị N không yêu cầu). Anh Hoàng Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trần Thanh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000196 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Trần Thanh N đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Hoàng Văn S không phải nộp án phí.

Chị Trần Thanh N và anh Hoàng Văn S vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

